TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2024
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Cao C, sinh năm 1992;
Địa chỉ: 61/35 C, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 20 Lê C, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Thúy P, sinh năm 1995;
Địa chỉ: 195/15 Trần Đ, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Cao C trình bày:

Tôi và bà Trần Thúy P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 155 ngày 09/11/2015. Quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con

chung là trẻ Nguyễn Hoàng B sinh ngày 25/3/2015 và trẻ Nguyễn Hoàng H sinh ngày 03/8/2016.

Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chúng tôi đã ly thân từ đó cho đến nay.

Tình cảm vợ chồng hiện nay không còn tình cảm nữa nên yêu cầu ly hôn với bà Trần Thúy P.

Về con chung: Tôi yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi hai con chung là trẻ Nguyễn Hoàng B sinh ngày 25/3/2015 và trẻ Nguyễn Hoàng H sinh ngày 03/8/2016. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thúy P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của ông C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án*:

Nguyên đơn ông C khởi kiện, yêu cầu ly hôn với bà P nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn bà P có địa chỉ tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 23/7/2024 của ông C đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn không có sự tham gia của ông. Bị đơn bà P vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ Giấy đăng ký kết hôn số 155 ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà P là hôn nhân hợp pháp.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[5] Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải ông C xác nhận, đến năm 2016 cho đến nay thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đã ly thân từ đó cho đến nay.

[6] Lời trình bày của ông C phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 3 về việc ông C và bà P đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 đến nay.

[7] Tòa án đã tiến hành triệu tập bà P đến Tòa án để tham gia buổi hòa giải đoàn tụ nhưng bà P vắng mặt, không tham dự. Việc vắng mặt của bà P trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn cho thấy bà P không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông C, không muốn đến Tòa để được hòa giải đoàn tụ.

[8] Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*"

[9] Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định lời trình bày của ông C về mâu thuẫn vợ chồng là có thật, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà P.

[10] Về con chung: Tại Giấy khai sinh ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện trẻ Nguyễn Hoàng B (nam) sinh ngày 25/3/2015 và tại Giấy khai sinh ngày 17/8/2016 của Ủy ban nhân dân phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện trẻ Nguyễn Hoàng H (nam) sinh ngày 3/8/2016 là con chung của ông C và bà P.

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên*

trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C có nguyện vọng được nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng B và trẻ Nguyễn Hoàng H. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay ông C là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Từ nhỏ, trẻ đã ở cùng với ông C và bản thân trẻ cũng có nguyện vọng được ở với cha. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Nguyễn Hoàng B và trẻ Nguyễn Hoàng H cho ông C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trẻ Nguyễn Hoàng B và trẻ Nguyễn Hoàng H đủ 18 tuổi.

Bà P được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

[11] Về tài sản và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về hôn nhân: ông Nguyễn Cao C được ly hôn với bà Trần Thúy P.

1.2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Cao C trực tiếp giữ nuôi trẻ Nguyễn Hoàng B (nam) sinh ngày 25/3/2015 và trẻ Nguyễn Hoàng H (nam) sinh ngày 3/8/2016.

Bà Trần Thúy P được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Cao C không yêu cầu bà Trần Thúy P cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Cao C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009060 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Cao C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Cao C và Bà Trần Thúy P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Anh